

CHUYỆN CŨ KHÔNG RỜI

(Bài 4)

Tap bút UYÊN THAO

(Với TTBG: Tài liệu Văn Học Miền Nam quý giá).

□

Năm 1956 từ Sài Gòn, tôi được tin chú tôi ở quê nhà đã tự treo cổ để tránh bị đặt vào giữa một vòng người nào đó. Tôi nghĩ chú tôi cũng không chịu đựng nổi nỗi kinh hoàng và chết lặng khi tưởng tượng những người xung quanh tôi, bên cạnh tôi ngay tại Sài Gòn này có thể bị đẩy vào giữa nỗi kinh hoàng đó, dù ở vị thế nào – vị thế của tôi vào lúc đang trên đường tản cư năm 1946 hay vị thế của chú tôi sau này trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất.

Tôi gặp lại đúng mỗi ưu tư của mình nơi một sĩ quan trẻ trên mặt trận Sa Huỳnh đầu năm 1966. Vào lúc cùng dựa lưng dưới một chiến hào, chuẩn úy Phần kê cho tôi nghe lý do khiến Phần bỏ đời sống học trò để cầm súng chỉ vì sợ thấy người thân phải rơi vào cảnh ngộ tương tự như gia đình chú tôi.

– Phải góp sức chung lo cho mọi người chứ!

Đó là ý nghĩ đưa Phần tới chỗ chúng tôi đang có mặt. Tôi không biết số phận Phần ra sao, vì ngay sau đó bản thân tôi phải nhờ người chỉ huy của Phần là trung úy Võ Đăng Diệu (mà năm 2004 tôi được biết đang sống tại San Jose và làm thơ với bút danh Hà Ly Mạc) tới kịp mới còn hơi thở.

Nhưng lời lẽ hồn nhiên của Phần khiến tôi nhớ lại câu chuyện với Đại tá Nguyễn Văn Hiếu tham mưu trưởng Quân Đoàn 2 lúc đó. Khoảng hơn một tháng trước khi có mặt tại Sa Huỳnh, tôi đã nghe Đại tá Hiếu đề cập tới cùng mỗi bản khoản của tôi từ một khía cạnh khác.

Bữa đó, tôi từ Phú Bổn trở về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, tới gặp ông. Trời đã gần tối. Phòng việc vắng hoe. Đại tá Hiếu hỏi tôi về các chi tiết quanh biến cố Fulro đang đặt toàn bộ Vùng 2 vào thế căng thẳng, rồi đột ngột nói về cuộc đối đầu hai miền Nam-Bắc.

Không giấu vẻ chán nản, ông nói với tôi:

– Chúng ta sẽ thua, anh ạ!

Ông giải thích ý nghĩ của mình:

– Họ thua kém chúng ta mọi thứ, từ kiến thức tới trang bị. Nhưng họ làm việc suốt giờ cho mục đích của họ, còn chúng ta chỉ dựa vào công việc để vui chơi hoặc mưu lợi cá nhân.

Tôi không hiểu Đại tá Hiếu có ấn định giới hạn cho hai tiếng “chúng ta” do ông nói ra không, nhưng ngay sau khi gặp Chuẩn úy Phần, tôi đã thấy việc định giới hạn trở thành cần thiết. Hai tiếng “chúng ta” mà Đại tá Hiếu nhắc không thể bao gồm những người như Chuẩn úy Phần, như bác sĩ Hà Thúc Nhơn, như người bán kem Kiều Xuân Tuất, như hạ sĩ Lê Văn Sơn, như cô giáo Tú Loan... hay như chính Đại tá Nguyễn Văn Hiếu về sau đã trở thành vị tướng luôn được báo chí nhắc tới. Nếu không thể định giới hạn cho hai tiếng “chúng ta” thì chỉ có thể nghĩ chúng ta đang mắc một chứng bệnh trầm kha.

Tờ báo do chúng tôi đang chuẩn bị không còn là tờ báo mà chính là tiếng gào thét kêu gọi quyết tâm chữa lành bệnh để kiện toàn thân xác hầu đủ sức chận quét nỗi kinh hoàng thảm khốc đã phủ trùm đất nước từ nhiều năm tháng mà tuổi thơ của tôi bắt gặp từ cuối Đông năm 1946.

Để tiếng gào đó có thể cất lên, chúng tôi không chỉ phải vượt qua cái đại dương 20 triệu đồng mệnh mông mà còn đối mặt với nhiều thứ khó khăn.

-Khu phố Cống Quỳnh đã có lúc bị cô lập để Cảnh Sát tràn ngập toà soạn tuần báo Đời cắt ngang buổi trao đổi với các đại diện sinh viên.

-Võ đường Hoa Lư của Trần Huy Phong đã có lúc bị bao vây giữa vòng vây Cảnh Sát Dã Chiến để phá vỡ cuộc họp mặt của những người đang mang trên thân xác những vết thương nhức nhối của đất nước.

-Đã có lúc Phạm Văn Lương phải cầm trái lựu đạn rút chốt sẵn sàng cho nổ tung cùng với thân xác mình để tới được trước Quốc Hội bày tỏ thái độ không chùn bước của chúng tôi.

*

* *

Thủ tục về giấy phép vốn rất bình thường cũng đặt chúng tôi trên một đoạn đường đầy hầm hố. Tờ báo lúc đầu dự trù mang tên chủ nhiệm Hà Thế Ruyệt phải chuyển sang tên Nguyễn Tuyển rồi lại phải chuyển sang tên Trùng Dương để giấu kín tung tích.

Cuối cùng những ngày cưu mang nghệt thở cũng qua. Chiều 24 tháng 9 năm 1971, số Sóng Thần đầu tiên được gửi tới bạn đọc.

Vào lúc chập choạng tối, anh Nguyễn Đức Quỳnh đột ngột xuất hiện ngay bên dãy máy in. Năm bàn tay tôi, anh nói bằng giọng xúc động:

– Bây giờ tôi có nhắm mắt cũng yên lòng. Ít nhất thì các cậu đã có điều kiện để nói những điều cần nói. Ráng giữ cho tờ báo đừng chết.

Tôi vẫn nghĩ trong lớp cầm bút đàn anh của tôi, anh Nguyễn Đức Quỳnh là người luôn trăn trở về những diễn biến đê nặng trên cuộc sống chung của đất nước. Lúc anh Quỳnh nói những lời đó với tôi ở nhà in Nguyễn Bá Tòng cũng

là lúc Đỗ Ngọc Yến thay mặt toà soạn đón quan khách và bạn bè tới dự buổi họp mặt giới thiệu tờ báo tại Trung Tâm Văn Bút. Tôi không biết Yến đã nói gì nhưng chắc chắn Yến không thể hình dung giây phút cuối cùng của tờ báo như đang hiển hiện trước mắt tôi qua số báo cũ đề ngày 24 tháng 11 năm 1974.

Tôi đã không thể làm được điều do anh Nguyễn Đức Quỳnh nhắc nhở.

Lúc này nhớ lại, tôi thấy mừng là anh Quỳnh đã vĩnh viễn ra đi trước ngày cuối cùng của tờ báo. Ít nhất, anh đã không phải thất vọng vào lúc nhắm mắt, dù thực tế vẫn hết sức phũ phàng.

Tôi vẫn chưa quên là giữa những cơn mê tỉnh chập chờn trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh đã sai Kinh -con trai út của anh- đi kiếm tôi.

Trên chiếc giường nhỏ kê giữa nhà, anh không còn giữ nét nào của ông già quắc thước với cặp mắt sáng rực những ngày trước. Tôi nắm bàn tay lạnh ngắt của anh trong lúc anh thì thào:

– Chiến tranh sẽ hết. Hãy ráng góp sức giữ cho không có cảnh chém giết hay hành hạ đồng bào. Dân mình khổ quá rồi!

Chỉ không đầy nửa năm sau khi nghe những lời trời đó của anh Nguyễn Đức Quỳnh, tôi đối diện với một đồng thư cao ngất luôn lập lại bốn tiếng “Sóng Thần phải sống.” Lời nhắc này không khác lời nhắc của anh Nguyễn Đức Quỳnh nhưng đặt tôi trước một việc vượt khỏi tầm tay.

Tôi không còn đủ sức với tới dù được tiếp trợ bởi rất nhiều người. Những cây bút thuộc các thế hệ đi trước như Nam Đình, Ngọa Long, Trần Tấn Quốc đã có mặt bên cạnh. Những người vô danh trên khắp nước liên tục gửi về toà soạn những gói quà, những số tiền lớn, nhỏ. Các hãng thông tấn quốc tế loan tin tổ chức House of Freedom quyết định tặng tờ báo danh hiệu Ngòi Bút Vàng trong năm 1974 – Golden Pen.

*

* *

1974.

-Hàng trăm ngàn người đã bắt chấp lệnh giới nghiêm xuống đường phá các nút cản bằng xe tăng, kềm gai của cảnh sát để tới tòa án bày tỏ ước muốn được thấy ánh sáng Công Lý trong phiên xử tờ báo ngày 31-10-1974.

-Hơn 200 luật sư đã nhận đứng ra biện hộ cho tờ báo trong phiên toà kế tiếp ngày 28-11-1974.

-Lịch sử pháp đình và báo chí Việt Nam cũng như thế giới chưa từng diễn ra sự kiện tương tự.

Tuy nhiên mọi chuyện đều trở thành vô ích trước cái lệnh hành chánh cuối cùng quyết định thu hồi giấy phép. Tờ báo đã bị sát hại và chết thực sự không bởi thiếu phương tiện, thiếu ý chí. Tôi từng được gán cho cái tên “người giết báo” và đã trở lị với chuyện sống chết của nhiều tờ báo. Nhưng sự vắng mặt của tờ Sóng Thần biến tôi thành ngơ ngẩn khiến có lần bắt gặp tôi đứng trước cầu thang nhìn xuống đường, Đỗ Ngọc Yến đã nhắc:

– Anh chịu khó cười lên một chút. Lúc nào cũng đăm chiêu thế thì khá sao được.

Chẳng bao giờ tôi muốn làm ngược lời Đỗ Ngọc Yến, nhưng thực tế và ý muốn thường luôn xa cách. Ngay từ phút đầu gầy dựng tờ Sóng Thần, tôi đã nghĩ đây không hẳn là một tờ báo. Dù vẫn nằm trong khuôn khổ nghề nghiệp, nhưng tờ báo gần như là hơi thở cần thiết cho cuộc sống gắn bó với ước nguyện chân thành nhất của mỗi người.

Tôi chợt thấy quả đúng như Đỗ Quý Toàn từng nhắc. Cuộc sống đó hiển nhiên là cuộc sống ở trên mây. Nhưng chính vì thế mà hết thấy mọi người không phân biệt đều mong muốn được thấy nó hiện hình trên mặt đất. Tôi nhớ tới những cái tên ký dưới các lá thư gửi về toà soạn. Bên cạnh những luật gia, học giả, văn nhân, nghệ sĩ nổi danh là những người suốt ngày quẩn quanh giữa cát bụi bờ đường. Bên cạnh các hoà thượng, thượng toạ như Thích Trí Thủ, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận... là giám mục Huỳnh Văn Nghi, là các linh mục luôn cầu xin bình an cho cuộc sống.

Tôi nhớ tới ánh lửa bập bùng trong những đêm không ngủ của tín đồ nhiều địa phận giáo dân từ Tân Sa Châu, Gò Vấp tới Biên Hoà và các hội đoàn Phật Tử thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với mong muốn soi sáng cho những lương tâm mờ tối và kêu gào công lý cho những người đang cố nói lên tiếng nói trung thực của người dân.

Bên cạnh những người đó, tôi cũng không bao giờ quên những anh em phế binh với hình hài không còn nguyên vẹn vẫn sát cánh cùng chúng tôi ngay giữa những cụm khói lựu đạn cay nồng nặc và những trận mưa gạch đá.

Không phải tờ Sóng Thần đã lôi cuốn sự lưu tâm của mọi người mà chính vì hết thấy đều thấy cần giữ cái hơi thở êm đềm cho cuộc sống của bản thân và đồng loại, hết thấy đều không chấp nhận bất công hà khắc, không chấp nhận những mưu toan vị kỷ ác hại và không chịu hèn mạt cúi đầu trước mọi mối đe dọa áp chế.

Giữ vững cái hơi thở của sự sống đúng nghĩa sự sống là điều đương nhiên phải làm với mỗi người.

Ý nghĩ này khiến tôi thấy việc còn hay mất cái bảng hiệu Sóng Thần chẳng quan trọng gì, đồng thời cũng biết chắc là tôi khó thể cười nổi dù rất muốn theo lời Đỗ Ngọc Yến. Thêm nữa, còn những ân tình như Lê Thiệp đã ghi trong bài viết. Ân tình không chỉ gói gọn nơi những gì tôi nhận được cho tới ngày 24 tháng 11 năm 1974.

□

Bình luận của Lê Giang(VN)

sau khi đọc bài 4 đăng trên Facebook TTBG:

Cảm ơn chị BG và anh Uyên Thao thật nhiều. Tờ Sóng Thần vẫn còn sống mãi trong ký ức của em.

[]

CHUYỆN CŨ KHÔNG RỜI

(Bài 5)

Tap bút UYÊN THAO

(Với TTBG: Tài liệu Văn Học Miền Nam quý giá).

□

Năm 1986, ra khỏi tù trở về Sài Gòn, tôi đã gặp lại chị Tiến, một Phật Tử từng chia xẻ gánh nặng với tôi thuở nào. Khi tờ báo khôn đốn vì bị tịch thu liên tục, thầy Thích Tuệ Hải nhắc chị Tiến ráng giúp tôi. Chị đã trao cho tôi 100 lượng vàng để đem bán lấy tiền mua giấy. Số tiền ngang với 40 ngàn Mỹ Kim lúc đó khiến tôi luôn áy náy.

Khi tôi ra khỏi tù, một người quen tới chùa Pháp Hoa cho hay chị Tiến và mấy đứa con hiện đang sống rất khó khăn vì tài sản chỉ còn lại căn nhà ở đường Hồng Thập Tự. Chồng chị và mấy đứa con khác đã biệt tăm trong một chuyến vượt biên. Tôi thấy phải tới gặp chị ngay, dù đang bị quản chế. Chị đưa tôi lên lầu, nhắc ngồi xuống trước bàn thờ Phật rồi lặng lẽ đặt vào tay tôi một nắm tiền. Không chờ tôi lên tiếng, chị nói ngay, giọng bình thản tới mức lạ lùng:

– Chú đừng nhắc đến món nợ với tôi ngày trước nữa. Quên chuyện cũ đi. Bây giờ ra khỏi nhà tù, chú cần lo cho sức khoẻ. Tôi tiếc hiện chỉ còn số tiền nhỏ này, chú cầm lấy mua những thứ vật vãnh cần thiết.

Cùng thời gian trên, một buổi tối, một người lạ tới chùa tìm gặp và hỏi tôi “có phải là Uyên Thao không?”

Sau cái gật đầu nghi ngại của tôi, ông quay ra lấy gói đồ buộc sau chiếc xe đạp dựng trước cửa chùa Pháp Hoa. Ôm gói đồ vào trao cho tôi, ông vừa thở vừa nói:

– Tôi mất cả tuần lễ dò hỏi mới biết được địa chỉ. Cha Lãm nghe nói ông được thả, nhờ tôi tìm ông để chuyển gói đồ này.

Ông cho biết gói đồ gồm một mớ quần áo cũ và nhắc lại lời dặn của người gửi:

– Cha bảo ông chọn món nào vừa thì giữ xài. Còn lại thì ôm ra chợ trời bán lấy một chút tiền tiêu đỡ.

Tôi lựng khựng vì cái tên “cha Lãm” nhưng vụt nhớ ra là linh mục Nguyễn Quang Lãm mà chúng tôi thường quen gọi bằng bút danh Thiên Hồ. Vào những ngày cuối của tờ báo, ông luôn có mặt bên cạnh tôi với nỗ lực giữ cho tờ báo không tắt hơi.

Cuối tháng Tư 1975, tôi cùng vợ tới thăm ông tại Nhà Thờ Huyện Sĩ vào một buổi tối giữa lúc cả Sài Gòn đang lên cơn sốt. Khi nghe tôi nói sẽ ở lại, ông im lặng nhìn, rồi đột nhiên đưa cả hai bàn tay lên bụng mặt bật khóc. Nước mắt chan hoà, ông nức nở:

– Dân mình khổ quá rồi mà vẫn tiếp tục bị đày đọa!

Đó là lần đầu tiên tôi thấy nụ cười tắt trên môi linh mục Thiên Hổ và thấy rõ tâm tư của ông.

Ký ức về những dòng nước mắt này dẫn tôi tới nỗi ưu tư của Trần Gia Phụng và Nhan Hoà. Mấy ngày trước đó, Phụng đã tới chùa Pháp Hoa tặng tôi số tiền có thể đủ mua ba chỉ vàng. Tôi như đọc thấy trong ánh mắt Phụng nỗi bứt rứt về cái viễn ảnh tối tăm phía trước tôi trong lúc tôi biết Phụng không còn là một giáo sư như thuở nào mà đang lam lũ kiếm sống quanh khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng. Tôi nhận tiền của bạn với nỗi thắc mắc về mức khó khăn mà Phụng sẽ phải đối đầu, sau khi lo cho tôi như thế.

Riêng Nhan Hoà, tôi vẫn chưa quên cái tai họa khủng khiếp ập tới với anh như một cơn địa chấn bất ngờ khi anh đang bị giam cùng tôi ở trại K.3. Khoảng năm 1979 hay 1980 tôi không nhớ rõ, cùng với chiếc tàu nỏ tại bến Nhà Bè là mạng sống của toàn thể 11 những người thân trong gia đình anh. Dịp đó Nhan Hoà đã mất gia đình người anh ruột, mất bà mẹ, mất người vợ, mất hết thấy những đứa con của anh. Một đại gia đình mười mấy mạng chỉ còn lại anh đơn độc bơ vơ trong tang tóc, ngây dại một thời gian dài.

Nhưng Nhan Hoà không chỉ đem đến cho tôi những món quà. Anh đặt gói đồ mang theo xuống bên cạnh, đưa tay bóp vai tôi trong lúc lặng lẽ nhìn thẳng vào mắt tôi và cười hiền hậu. Chúng tôi không nói với nhau tiếng nào nhưng tôi có cảm tưởng đang đứng giữa một vùng nắng ấm. Vào phút đó, tôi hiểu rằng cái hơi thở của cuộc sống trên mây vẫn còn nguyên vẹn dù thực tế mà chúng tôi đang trải chất đầy oan khiên, nghiệt ngã.

Tôi cũng nhớ lại buổi tối Sáu Cao tìm tới. Cùng ánh mắt mà tôi đã gặp nơi Trần Gia Phụng, nơi Nhan Hoà, Sáu Cao nhìn tôi chậm rãi nói:

– Cách nào thì tôi cũng phải lo cho ông một số vốn làm phương tiện xoay xở cho qua cơn túng ngặt để rồi còn có lúc anh em lại được ngồi với nhau như ngày nào. Nhưng ông phải đợi tôi khoảng một tháng nữa. Lúc này tôi đang kẹt mấy cái vớ vẩn.

Tới lúc đó, đã qua hơn ba mươi năm, chúng tôi có nhiều dịp ở bên nhau. Sáu Cao nhắc lại khoảng tháng ngày rùng rú ở Bà Đen thuở chúng tôi mới bước vào đời — cuối năm 1953 — và những bầm dập mà chúng tôi cùng chia xẻ thay vì nói về những nghiệt ngã đang bao quanh.

Nhưng anh không trở lại vào thời gian đã hẹn. Tôi nghĩ tới các khó khăn có thể khiến anh không làm được việc muốn làm. Tuy nhiên, giữa chúng tôi, không có chuyện nói mà không làm và cũng không có chuyện tránh né khi không làm được theo lời đã nói. Nếu gặp khó khăn, chắc chắn Sáu Cao đã trở lại cho tôi biết.

Tôi kéo dài chờ đợi thêm một tuần trong thắc mắc. Cuối cùng Sáu Cao vẫn biệt tăm và tôi quyết định đi kiếm. Theo chỉ dẫn do anh ghi lại, tôi tới con hẻm bên đường Hoà Hưng.

Mất trọn buổi chiều loanh quanh hết ngách này qua ngách khác, tôi mới tìm được nhà anh vào lúc chập choạng tối.

Sáu Cao không còn nữa! Anh đã vĩnh viễn ra đi từ hai mươi ngày trước. Qua câu chuyện của vợ anh, tôi được biết Sáu Cao bị hành vì chứng đau bao tử từ lâu nhưng đang uống thuốc và hy vọng sẽ trị lành chỉ trong tháng này theo lời thầy thuốc. Thời hạn hứa hẹn sắp hết thì anh đột ngột ra đi không kịp trấn trời một lời. Tôi nhớ đến mấy tiếng “mấy cái vớ vẩn” mà anh nhắc đêm nào. Sáu Cao coi sự mất còn mạng sống của chính mình chỉ là những cái vớ vẩn nhưng lại băn khoăn cho cảnh ngộ của riêng tôi, nhất là băn khoăn về cái cơ hội “anh em có thể ngồi lại với nhau.” Sáu Cao nói hết sức mơ hồ nhưng tôi hiểu rất rõ ý anh qua mấy tiếng đó.

*

* *

Gần 17 năm sau, tôi bỗng nhớ lại chuyện này khi từ Houston trở về Virginia tới gặp Choé vừa được sang Mỹ chữa bệnh. Choé nhìn về phía tôi nhưng chỉ nhận ra khi tôi lên tiếng. Choé không nói về cặp mắt đã lòa của mình mà hỏi tôi có tính cho tái hiện tờ Sóng Thần ở đây không? Tôi không trả lời, nhắc Choé hãy lo chữa bệnh.

Một tuần sau, tôi được tin bác sĩ bảo đảm sẽ chữa lành con mắt trái của Choé để Choé có thể cầm cọ vẽ trở lại. Choé đưa tay nắm tay tôi khi tôi tới gặp. Tay Choé run run và trên má Choé lăn dài những dòng nước mắt khi tôi ngồi xuống đối diện. Choé nói bằng giọng không giấu nổi xúc động:

– Anh nghĩ ngay đến chuyện xuất bản mỗi tháng một tờ đặc san Sóng Thần đi. Tôi sẽ lo với anh. Tôi không trở về nữa, dù phải sống bất hợp pháp ở đây. Hai anh em mình sẽ làm việc đó. Lúc này tôi có thể giúp anh được nhiều hơn ngày trước.

Những ngày nối tiếp, Choé thường nói về những dự tính đã theo đuổi Choé qua mọi cảnh ngộ suốt hơn hai mươi năm, kể cả khi ở trong tù lẫn khi đã tìm lại cuộc sống bên ngoài. Choé nhắc lại rõ hơn câu nói đã nói khi chúng tôi gặp nhau ở Việt Nam về việc một tờ báo Pháp năm 1995 gọi “*Choé là một người Việt Nam tiêu biểu, một họa sĩ cứng đầu.*”

Bằng giọng nói yếu ớt ngược hẳn với vóc vạc to lớn, Choé nói:

– Anh thấy đó! Thành em của anh có đáng được coi như thế này không, nếu cứ tiếp tục giả ngây giả dại không chịu đương đầu với những thứ rắc rối? Tôi đã phải nhẫn nhịn nhục nhã quá nhiều rồi. Bây giờ có cơ hội này, tôi phải lo với anh.

Tôi ngỡ như đang nghe Sáu Cao nhắc mấy tiếng “mấy cái vớ vẩn.” Choé cũng không hề thấy cái mất còn của mạng sống là đáng kể. Rõ ràng Choé chỉ đang chờ lúc đạt được điều kiện cho phép mình theo đuổi những dự tính từng ấp ủ.

Một môi lo mơ hồ đột ngột dâng lên, nhưng tôi vẫn nói sẽ tính tới việc đó khi con mắt của Choé được cứu xong. Tôi nhắc là sẽ không chỉ có tôi với Choé, vì sát bên chúng tôi ở ngay Virginia này còn rất đông anh em cũ như Hoàng Hải Thủy, Anh Điền, Lê Thiệp, Trương Cam Vĩnh, Dương Ngọc Hoán, Nguyễn Mạnh Tiến, Ngô Vương Toại... và những người ở xa, thậm chí ở Canada như Hải Triều, Trần Gia Phụng... có thể cũng không vắng mặt.

Trương Cam Vĩnh, Hải Triều và Choé là những người đã bị bắt giam vì tội trạng “người của toà soạn Sóng Thần” cho tới cuối tháng Tư 1975. Choé vẫn nhớ Hải Triều đã đưa cho Choé bộ đồ dân sự để tháo chạy khỏi nhà giam vào buổi trưa ngày 30 tháng Tư 1975.

Nhưng từ Cali, tôi nhận tin Choé đột ngột hôn mê.

Trở về Virginia, tôi chỉ kịp tới bệnh viện Fairfax, lên lầu 10, nhìn Choé nằm bất động trên giường chờ giây phút cuối cùng sẽ tới. Trong lúc đưa tay chặn những dòng nước mắt trên má Choé, tôi nói với Choé sẽ ráng thực hiện một mong ước cuối cùng nhỏ nhất của Choé. Tôi không biết Choé còn nghe được lời tôi nói không và bỗng nghĩ tới Tân Dân, tới Phạm Văn Lương, tới Chu Tử, tới Trần Huy Phong, tới Phan Nhự Thức, tới Sáu Cao, tới Nguyễn Khắc Sỹ, tới các anh Nam Đình, Ngọa Long, Trần Tấn Quốc, tới linh mục Thanh Lăng, linh mục Thiên Hồ, thượng tọa Thanh Long, thượng tọa Độ Lượng, thượng tọa Đức Nhuận, thượng tọa Tuệ Hải...

*

**

Không hiểu sao, tôi cứ nghĩ hết thấy những người đã ra đi mãi mãi đều có chung một ước nguyện, dù vào những ngày cuối đời, Trần Huy Phong luôn nghĩ tới một việc có vẻ khá tách biệt với mọi người là nhắc tôi cố thu xếp thời giờ để cùng anh duyệt lại một số chi tiết kỹ thuật cần thiết cho việc hoàn thành bộ Việt Võ Đạo Toàn Thư.

Trong ý nghĩ tôi, bộ Việt Võ Đạo Toàn Thư mà Trần Huy Phong muốn hoàn thành, tờ đặc san Sóng Thần mà Choé mong sẽ có hay cơ hội anh em cùng nhau ngồi lại như Sáu Cao nhắc nhở, thậm chí những ý nghĩ cuối cùng của Tân Dân, của Phạm Văn Lương khi tự đi tìm cái chết... chỉ đều xuất phát từ ước nguyện được góp sức duy trì hơi thở cho cuộc sống mà Đỗ Quý Toàn gọi là “cuộc sống trên mây”.

Tôi nhớ tới những người đã cùng chia xẻ khó khăn thử nào, nhớ tới những người từng an ủi khuyến khích, nâng đỡ tôi trên những đoạn đường nghệt thở. Tôi không còn cơ hội gặp lại bất kỳ ai, nhưng tôi nghĩ tất cả đều mang chung một ước nguyện như các bạn tôi.

Trong tang lễ của Choé tại một giáo đường thuộc quận Arlington, tôi như nhìn rõ hơn ước nguyện đó qua những lời ca:

*Lạy Chúa,
xin hãy dùng con
như khí cụ bình an của Chúa
Để con đem yêu thương vào nơi oán thù,
đem thứ tha vào nơi lừng nhục,
đem an hoà vào nơi tranh chấp,
đem chân lý vào chốn lỗi lầm.*

*Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,
chiếu trông cây vào nơi thất vọng.
Để con rọi ánh sáng vào nơi tối tăm,
đem niềm vui đến chốn u sầu...*

Cuối năm 1975, khi nằm trong phòng giam số 11 tại trại giam Tổng Nha Cảnh Sát cũ ở Sài Gòn, tôi đã thuộc lòng những lời ca này. Lời ca thường vang ra từ phòng số 13 vào những lúc chúng tôi biết chắc không có cai tù lảng vảng phía ngoài.

Suốt hơn mười năm sau đó dù ở trại giam nào, tôi vẫn không ngừng nghe những lời ca vang lên từ ký ức với âm vang mỗi lúc một tha thiết hơn. Âm vang những lời ca luôn mang lại cho tôi cảm giác thanh thản nhẹ nhàng trước các thử thách dữ dội và đã giúp tôi vượt qua không ít chặng đường ác nghiệt.

Nhưng những lời ca quen thuộc trỗi lên trong tang lễ Choé vào buổi tối tại Arlington lại khiến dấy lên cảm giác nhói đau mà tôi đã có vào lúc đứng trước bức tượng Nathan Hale trong khuôn viên đại học Yale, Connecticut. Người trở thành tượng chỉ vừa tròn 21 tuổi khi bị treo cổ năm 1776. Cảm giác nhói đau không khởi từ cái chết của Nathan Hale mà khởi từ câu nói còn được ghi lại:

“Tôi tiếc chỉ có một mạng sống để dâng hiến cho đất nước tôi.” (I only regret that I have but one life to give my country.)

Câu nói cuối cùng này được diễn lại khác hơn trên tờ báo xuất bản một năm sau khi Nathan Hale vĩnh viễn ra đi:

“Nếu có mười ngàn mạng sống và khi được kêu gọi, anh cũng hy sinh hết thảy để bảo vệ quê hương bị cào xé và đang đổ máu.” (If he had ten thousand lives, he would lay them all down, if called to it, in defence of his injured, bleeding country).

Tôi không ngạc nhiên về sự thoải mái của Nathan Hale dù có phải chết cả chục ngàn lần, vì sau đó là sự vươn lên của đất nước và dân tộc Hoa Kỳ. Suốt hơn nửa thế kỷ qua, trên đất nước Việt Nam không thiếu người đã hiến dâng mạng sống mà hết thảy có thể đều khó ngửi đau đớn vì quê hương vẫn không ngừng bị dập vùi và tuôn máu xối xả.

Cả người đã chết lẫn người đang sống chưa hề ngưng bò lét trong khi cơ hội hiến dâng cho đất nước vẫn còn nguyên vẹn là một ước mong. Tôi tránh trả lời câu hỏi do Lê Thiệp nêu từ ngót ba mươi năm trước, bởi dù hết thảy vẫn lét đi nhưng khó nói có tới được hay không và sẽ tới đâu, khi *“còn chưa thoát cảnh đang phải vùng vẫy cố tìm một cơ hội hiến dâng”?*

□

*Uyên Thao
Virginia Nov. 11-2003*

□

Bình luận của Lê Giang sau khi đọc bài cuối trên Facebook TTBG:

*“Cảm ơn anh Uyên Thao đã ghi lại những chuyện đau thương này cho hậu thế.
Trân trọng và kính phục anh”.*

[]